

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/DS-ST

Ngày: 28-12-2021

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, TỈNH N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, TỈNH N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2020/TLST-DS ngày 11/8/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.(viết tắt là Ngân hàng A)

Địa chỉ: Số 198 đường Trần Q, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm D

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A.

Ông Phạm D ủy quyền cho ông Võ Văn L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A – chi nhánh Quảng Ngãi theo Giấy ủy quyền số 636/UQ – VCB – PC ngày 15/10/2021.

Ông Võ Văn L ủy quyền cho ông Tôn Long T, chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng A – chi nhánh Quảng Ngãi theo Giấy ủy quyền số 65/UQ – NHNT.QNg ngày 15/10/2021. Ông T có mặt.

Địa chỉ: Số 345 đường H, phường T, thành phố Q, TỈNH N.

Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1963, bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1966. Ông H, bà C vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố Q, TỈNH N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Bà Trần Thị H, sinh 1931. Bà Học vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố Q, TỈNH N.

- Anh Hồ Văn N; sinh năm: 1988. Anh N vắng mặt.
 - Anh Hồ Văn L, sinh năm: 1990. Anh L vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố Q, TỈNH N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2020, bản tự khai ngày 12/8/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/11/2017, ông H bà C có ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 4358/17/KHBL.QNg với Ngân hàng A vay với số tiền 3.500.000.000 đồng; Mục đích vay là: Thanh toán chi phí để hình thành đôi tàu cá mang số hiệu QNg – 97192 và QNg – 92094 – TS, thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn đầu tiên. Nợ gốc trả định kỳ 03 tháng / lần vào ngày 15 của tháng thứ 3 mỗi kỳ, nợ lãi trả hàng tháng. Ngày 14/11/2017, ông H đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 3121/GNN – KHBL.QNg, số tiền nhận nợ là 3.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 11,0%/ năm. Trong quá trình vay ông H đã trả được 625.000.000 đồng tiền gốc và 498.658.956 đồng tiền lãi vay.

Vào ngày 31/10/2018, ông H, bà C có ký Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 2982/18/KHBL.QNg với Ngân hàng A vay với số tiền 500.000.000 đồng; Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động để khai thác thủy sản, thời hạn vay là 11 tháng. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn đầu tiên. Gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng. Ngày 31/10/2018, ông H đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 3328/GNN – KHBL.QNg, số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng, lãi suất cho vay 9,3%/ năm. Trong quá trình vay, ông H đã trả được 18.600.000 đồng tiền lãi vay.

Vào ngày 13/03/2019, ông H bà C có ký Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 894/19/KHBL.QNg với Ngân hàng A vay với số tiền 570.000.000 đồng; Mục đích vay là: Bổ sung vốn mua sắm ngư lưới cụ và ứng lương thuyền viên phục vụ khai thác thủy hải sản, thời hạn vay là 11 tháng. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn đầu tiên. Gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng. Ngày 13/3/2019, ông H đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 870/GNN – KHBL. QNg, số tiền nhận nợ là 570.000.000 đồng, lãi suất cho vay 9,5%/ năm. Trong quá trình vay, ông H đã trả được 1.928.630 đồng tiền lãi vay.

Vào ngày 19/02/2019, ông H bà C có ký Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 628/19/KHBL.QNg với Ngân hàng A vay với số tiền 350.000.000 đồng; Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán thủy hải sản các loại thủy sản, thời hạn vay là 11 tháng. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn đầu tiên. Gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng. Ngày 19/02/2019, bà C đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 571/ GNN – KHBL.QNg, số tiền nhận nợ 350.000.000 đồng, lãi suất cho vay 9,5%/ năm. Trong quá trình vay, bà C đã trả được 14.302.055 đồng tiền lãi vay.

Vào ngày 23/4/2019, ông H bà C có ký Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1246/19/KHBL.QNg với Ngân hàng A vay với số tiền 225.000.000 đồng; Mục đích vay là: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán thủy hải sản các loại thủy sản, thời hạn vay là 11 tháng. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn đầu tiên. Gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng. Ngày 23/4/2019, bà C đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 1421/GNN –KHBL.QNg, số tiền nhận nợ 225.000.000 đồng, lãi suất cho vay 9,5%/ năm. Trong quá trình vay, bà C đã trả được 5.504.795 đồng tiền lãi vay.

Để đảm bảo khoản vay, ông H bà C đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp cho hộ ông Hồ Văn H vào ngày 26/12/2002; ngày 17/11/2017 tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn H và bà Võ Thị Kim C tại thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa Phú, thành phố Q và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp cho ông Hồ Văn P vào ngày 07/01/1997; ngày 20/6/2012 ông Hồ Văn H nhận tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 921, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa Phú, thành phố Q theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1567/BĐ – KHBL.QNg ngày 20/11/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 269/BĐ – KHBL.QNg ngày 07/02/2018; thế chấp tài sản là tàu cá biển số kiểm soát QNg – 92094 – TS và tàu cá biển số kiểm soát QNg – 97192 – TS chủ tàu là ông Hồ Văn H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1541/BĐ – KHBL.QNg ngày 14/11/2017 cho Ngân hàng A.

Quá trình vay, ông H, bà C đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhiều lần Ngân hàng đã mời làm việc đề nghị thanh toán khoản nợ vay của ông bà cho Ngân hàng. Tuy nhiên ông H bà C vẫn không thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 26/12/2021, ông H, bà C còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền 6.053.567.189 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.520.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.282.634.041, lãi quá hạn là 250.933.148 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông H, bà C phải trả nợ tổng số tiền 6.053.567.189 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.520.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.282.634.041, lãi quá hạn là 250.933.148 đồng cho Ngân hàng A và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất của các Hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 27/12/2021 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng A.

Nếu ông H, bà C không trả nợ cho Ngân hàng A thì yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp cho hộ ông Hồ Văn H vào ngày 26/12/2002; ngày 17/11/2017 tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn H và bà Võ Thị Kim C tại thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa Phú, thành phố Q và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp cho ông Hồ Văn P vào ngày 07/01/1997; ngày 20/6/2012 ông Hồ Văn H nhận tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 921, tờ bản đồ số 3 xã N, thành phố Q theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1567/BĐ – KHBL.QNg ngày 20/11/2017 và hợp đồng thế chấp quyền

sử dụng đất số: 269/ĐĐ – KHBL.QNg ngày 07/02/2018; thế chấp tài sản là tàu cá biển số kiểm soát QNg – 92094 – TS và tàu cá biển số kiểm soát QNg – 97192 – TS chủ tàu là ông Hồ Văn H theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ thì ông H, bà C phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng A.

Bị đơn ông Hồ Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đứng về phía bị đơn là bà Trần Thị H, anh Hồ Văn L, anh Hồ Văn N vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, không có bản trình bày gửi đến Tòa án và cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa ngày 15/4/2021, bà C trình bày bà C không nhận số tiền vay 570.000.000 đồng theo Hợp đồng số 894/19/KHBL.QNg ngày 13/3/2019 và số tiền vay 3.500.000.0000 đồng theo Hợp đồng số 4358/17/KHBL. QNg ngày 14/11/2017 và bà C đang cất giữ ở nhà những chứng cứ thể hiện bà C không có nhận hai khoản tiền vay này yêu cầu Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để bà C giao nộp thêm chứng cứ. Tại phiên tòa ngày 28/5/2021 bà Võ Thị Kim C trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1914 cấp cho hộ ông Hồ Văn H nhưng khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H, bà C không có ý kiến của con ông H, bà C là anh Hồ Văn L, anh Hồ Văn N, những lần thế chấp đất và nhà gắn liền trên thửa đất này để vay trước đây đều có sự đồng ý của anh L, anh N nhưng lần này thì không. Căn nhà trên thửa đất này có sự đóng góp xây dựng khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng của anh N và hiện nay anh L cùng sinh sống trên ngôi nhà này với ông H, bà C, còn anh N sống và làm việc ở xa để bà C về cung cấp thêm địa chỉ của anh N và hồ sơ về tặng cho quyền sử dụng đất để Hội đồng xét xử xem xét, yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để bà C giao nộp thêm chứng cứ. Tại bản trình bày ngày 27/5/2021 bị đơn bà Võ Thị Kim C thừa nhận, trình bày: Vợ chồng bà có vay nợ tại Ngân hàng A, bà thừa nhận tính đến ngày 14/4/2021 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 5.623.986.779 đồng, trong đó nợ gốc là 4.520.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 951.920.616 đồng, lãi quá hạn là 152.066.163 đồng. Trong trường hợp không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa Phú, thành phố Q và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 921, tờ bản đồ số 3 xã N, thành phố Q; tài sản là tàu cá biển số kiểm soát QNg – 92094 – TS và tàu cá biển số kiểm soát QNg – 97192 – TS chủ tàu là ông Hồ Văn H theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng.

Phiên tòa này bà C vắng mặt và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ gì như đã cam kết giao nộp chứng cứ như trên cho Hội đồng xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử,

đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, thẩm vấn và tranh luận khách quan. Điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đứng về phía bị đơn là bà Trần Thị H, anh Hồ Văn N, anh Hồ Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng A có đơn khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C có địa chỉ tại: Thôn C, xã N, thành phố Q, TỈNH N phải trả tổng số tiền là 6.053.567.189 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.520.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.282.634.041, lãi quá hạn là 250.933.148 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất của các Hợp cho vay mà các bên đã ký kết trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 27/12/2021 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng A. Tòa án nhân dân thành phố Q, TỈNH N xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C, bà Trần Thị H, anh Hồ Văn N, anh Hồ Văn L nhưng ông H, bà Học, bà C, anh N, anh L vẫn không tham gia phiên tòa, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 6.053.567.189 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.520.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.282.634.041, lãi quá hạn là 250.933.148 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất của các Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 4358/17/KHBL.QNg ngày 14/11/2017; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 2982/18/KHBL.QNg ngày 31/10/2018; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 894/19/KHBL.QNg ngày 13/03/2019; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 628/19/KHBL.QNg ngày 19/02/2019; Hợp đồng cho

vay từng lần ngắn hạn số 1246/19/KHBL.QNg ngày 23/4/2019 mà các bên đã ký kết kể từ ngày 27/12/2021 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng A.

Trường hợp ông H, bà C không trả cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp cho hộ ông Hồ Văn H vào ngày 26/12/2002; ngày 17/11/2017 tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn H và bà Võ Thị Kim C tại thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 3 xã N, thành phố Q và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp cho ông Hồ Văn P vào ngày 07/01/1997; ngày 20/6/2012 ông Hồ Văn H nhận tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 921, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa Phú, thành phố Q theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1567/BĐ – KHBL.QNg ngày 20/11/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 269/BĐ – KHBL.QNg ngày 07/02/2018; thế chấp tài sản là hai tàu cá biển số kiểm soát QNg – 92094 – TS và tàu cá biển số kiểm soát QNg – 97192 – TS chủ tàu là ông Hồ Văn H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1541/BĐ – KHBL.QNg ngày 14/11/2017 cho Ngân hàng A.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông H, bà C có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản nợ theo các hợp đồng cho vay nêu trên cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng A.

[2.2] Xét giao dịch dân sự giữa Ngân hàng A với ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp. Ông H, bà C đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận trong từng hợp đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà C đã vi phạm các hợp đồng khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Cụ thể: Ngày 14/11/2017, ông H đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 3121/GNN – KHBL.QNg, số tiền nhận nợ là 3.500.000.000 đồng, nhưng ông H chỉ trả được 625.000.000 đồng tiền gốc và 498.658.956 đồng tiền lãi vay. Ngày 31/10/2018, ông H đã nhận nợ là 500.000.000 đồng nhưng ông H chỉ trả được 18.600.000 đồng tiền lãi vay, chưa trả gốc. Ngày 13/3/2019, ông H đã nhận nợ là 570.000.000 đồng, lãi nhưng ông H chỉ trả được 1.928.630 đồng tiền lãi vay, chưa trả gốc. Như vậy tính đến ngày 26/4/2019 ông H, bà C không nộp lãi cho Ngân hàng theo như các Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 4358/17/KHBL.QNg ngày 14/11/2017; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 2982/18/KHBL.QNg ngày 31/10/2018; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 894/19/KHBL.QNg ngày 13/03/2019 đã ký kết nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 03/5/2019 toàn bộ khoản vay của các Hợp đồng nêu trên chuyển sang nợ quá hạn. Ngày 19/02/2019, bà C đã nhận nợ 350.000.000 đồng nhưng bà C đã trả được 14.302.055 đồng tiền lãi vay, chưa trả gốc. Ngày 23/4/2019, bà C đã nhận nợ 225.000.000 đồng nhưng bà C chỉ trả được 5.504.795 đồng tiền lãi vay, chưa trả gốc. Như vậy tính đến ngày 26/8/2019 ông H, bà C không trả lãi cho Ngân hàng theo như các Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 628/19/KHBL.QNg ngày 19/02/2019; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1246/19/KHBL.QNg ngày

23/4/2019 đã ký kết nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 02/9/2019 toàn bộ khoản vay của hai Hợp đồng nêu trên chuyển sang nợ quá hạn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà C, bà Học, anh N, anh L đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông H, bà Học, anh N, anh L đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà C có văn bản trình bày thừa nhận ông H, bà C có nợ gốc và tiền lãi như Ngân hàng trình bày nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ với các quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử xét thấy khi vay vốn để đảm bảo các khoản tiền vay, nguyên đơn, bị đơn đã tự nguyện ký kết các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1567/ BD – KHBL.QNg ngày 20/11/2017 thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 3, diện tích 101 m² tại xã Nghĩa Phú và Giấy cam kết thế chấp ngày 20/11/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 269/BD – KHBL.QNg ngày 07/2/2018 thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 921, tờ bản đồ số 3, diện tích 90 m² tại xã Nghĩa Phú và và giấy cam kết ngày 07/2/2018; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1541/BD – KHBL.QNg thế chấp tàu cá biển kiểm soát QNg – 92094- TS và tàu cá biển kiểm soát QNg – 97192 – TS đứng tên chủ tàu là ông Hồ Văn H. Các Hợp đồng thế chấp trên tuân thủ theo quy định pháp luật, có công chứng hợp pháp và được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, nội dung hợp đồng là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, theo đó các bên thỏa thuận trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền, thì bên vay có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tại văn bản số 3227/UBND-NC ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ án cung cấp: Ngày 16/11/2017, hộ ông Hồ Văn H cùng ông Hồ Văn N và ông Hồ Văn L lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn H và bà Võ Thị Kim C được Văn phòng công chứng Sơn Tịnh chứng thực theo Hợp đồng số 1265, quyển số 02, TP/CC – SCC/HDGD và được Văn phòng đăng ký đất đai TỈNH N - Chi nhánh thành phố Q (trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường TỈNH N) chỉnh lý trên trang tư giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/11/2017. Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất trên, tại thời điểm cấp giấy không phát sinh đơn tranh chấp do đó việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Việc bà Võ Thị Kim C trình bày tại phiên tòa ngày 28/5/2021 cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1914 cấp cho hộ ông Hồ Văn H nhưng khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H, bà C không có ý kiến của con ông H, bà C là anh Hồ Văn L, anh Hồ Văn N, những lần thế chấp đất và nhà gắn liền trên thửa đất này để vay trước đây đều có sự đồng ý của anh L, anh N nhưng lần này thì không là lời khai nại của bà C. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của

nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại các Điều 317, 318, 319, 323, 325 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ: Có bà Trần Thị H là mẹ đẻ ông Hồ Văn H đang ở trong ngôi nhà tọa lạc trên thửa đất số 921, diện tích 90 m², tờ bản đồ số 3, tại thôn Cổ Lũy Nam, xã Nghĩa Phú, thành phố Q. Theo lời khai của bà C thửa đất số 921 và tài sản gắn liền trên đất là do vợ chồng bà tạo lập và trọn quyền sở hữu hợp pháp, không có ai tranh chấp. Mẹ chồng bà là bà Trần Thị H thỉnh thoảng về nhà này để ở một thời gian và lại đi khắp nơi để thăm con cháu, bà già yếu sống nhờ vào con cháu chăm sóc chứ không có quyền lợi gì tại nhà và đất này. Hiện trạng nhà và đất không có gì thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp.

[2.5] Tại phiên tòa ngày 28/5/2021 bà C trình bày ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa Phú, thành phố Q, TỈNH N có công sức đóng góp xây dựng khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng của anh Hồ Văn N, hiện nay có Hồ Văn L cùng sinh sống với ông H, bà C Ngày 31/5/2021 Hội đồng xét xử đã bổ sung người tham gia tố tụng là anh Hồ Văn N, anh Hồ Văn L với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N, anh L đến làm việc nhưng anh N, anh L không đến Tòa án để trình bày và cũng không gửi đơn trình bày đến Tòa án điều này cho thấy anh N, anh L đã từ bỏ quyền lợi của mình.

[2.6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng A đã tạm ứng 4.000.000 đồng (đã chi phí xong). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn, do đó buộc ông H, bà C phải chịu toàn bộ tiền xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông H, bà C phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 4.000.000 đồng là phù hợp với Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.7] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C phải chịu: 114.053.567 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 27/5/2021 ông H, bà C có đơn đề nghị miễn giảm tiền án phí và được Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phú xác nhận. Hội đồng xét xử xét thấy theo đơn đề nghị miễn án phí của ông H, bà C với lý do hiện nay gia đình đã lâm vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn do dịch bệnh Covid – 19 nên dẫn đến không có khả năng trả nợ được cho Ngân hàng và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Phú nơi ông H, bà C đang cư trú; căn cứ vào điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án đồng ý giảm 50% mức án phí mà ông H, bà C phải nộp. Như vậy, ông H, bà C phải chịu 57.026.783 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 56.577.548 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005148 ngày 04/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 147, 157, 158, Khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317, 318, 319, 323, 325, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26, điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc tranh chấp các Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 4358/17/KHBL.QNg ngày 14/11/2017; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 2982/18/KHBL.QNg ngày 31/10/2018; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 894/19/KHBL.QNg ngày 13/03/2019; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 628/19/KHBL.QNg ngày 19/02/2019; Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1246/19/KHBL.QNg ngày 23/4/2019 đối với ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C.

2. Buộc ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 6.053.567.189 đồng (sáu tỷ không trăm năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm tám mươi chín đồng) Trong đó: Nợ gốc là 4.520.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 1.282.634.041 (một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi một đồng) lãi quá hạn là 250.933.148 đồng (hai trăm năm mươi triệu chín trăm ba mươi ba nghìn một trăm bốn mươi tám đồng)

Kể từ ngày 27/12/2021, ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

3. Trường hợp ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C không trả được nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1914 và thửa đất số 921 đều thuộc tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa Phú, thành phố Q, hai tàu cá biển số kiểm soát QNg – 92094 – TS và tàu cá biển số kiểm soát QNg – 97192 – TS theo các Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1567/ BD – KHBL.QNg ngày 20/11/2017 và Giấy cam kết thế chấp ngày 20/11/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 269/BD – KHBL.QNg ngày 07/2/2018 và Giấy cam kết ngày 07/2/2018; Hợp đồng thế chấp tài sản số 1541/BD – KHBL.QNg ngày 14/11/2017 đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Buộc bà Trần Thị H phải bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 921, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa Phú, thành phố Q và buộc ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C, anh Hồ Văn N, anh Hồ Văn L phải bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 1914, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa Phú, thành phố Q khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông H, bà C có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C phải chịu 57.026.783 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 56.577.548 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005148 ngày 04/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Hồ Văn H, bà Võ Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng A số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

6. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TỈNH N;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc

